BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 11/12/2024

10/12/2024	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,272.07	-0.14%	1,335.85	-0.02%	229.24	0.01%
Tổng KLGD (tr. cp)	**631.70**	**-12.60%**	**200.99**	**-13.20%**	**51.80**	**-12.41%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**499.88**	**-14.54%**	**160.85**	**2.11%**	**45.31**	**-7.81%**
TB 20 phiên (tr. cp)	517.85	-3.47%	175.08	-8.13%	45.34	-0.06%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**14,456**	**-13.76%**	**5,999**	**-14.97%**	**1,156**	**9.73%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**11,555**	**-9.90%**	**4,971**	**-0.75%**	**818**	**-10.86%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	12,362	-6.53%	5,625	-11.63%	811	0.89%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	170	36%	11	37%	73	34%
Số mã giảm	223	47%	17	57%	80	37%
Số mã đứng giá	80	17%	2	7%	64	29%

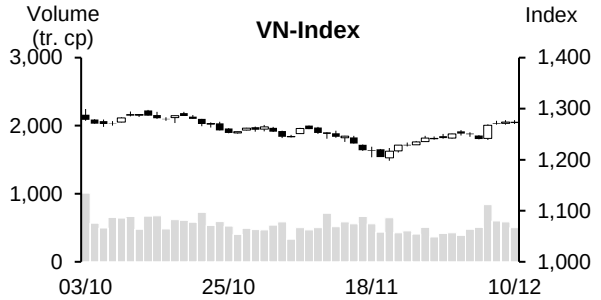

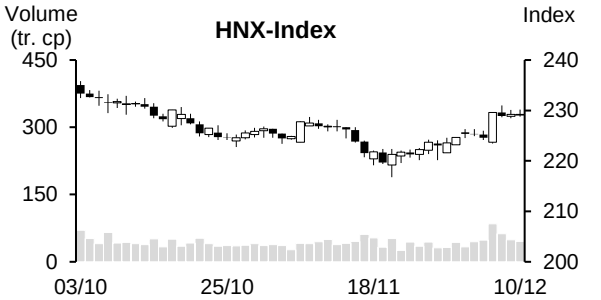

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đảo chiều giảm nhẹ trở lại với diễn biến giằng co biên độ hẹp của các chỉ số chính. Lực cầu mua mới khá thận trọng khiến thanh khoản thị trường giảm phiên thứ ba liên tiếp. Độ rộng thị trường cho thấy số mã giảm chiếm ưu thế nhưng đa phần các nhóm đóng cửa với trạng thái phân hóa và không có nhóm ngành nào giảm quá mạnh. Ở chiều ngược lại, bảo hiểm, công nghệ, du lịch giải trí, dược phẩm là những nhóm ngành có diễn biến tăng giá khá tích cực, góp phần đỡ chỉ số không giảm sâu. Về giao dịch khối ngoại, khối này có phiên mua ròng nhẹ trở lại, với lực mua tập trung ở 3 cổ phiếu chính là DHT, FPT và HDG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, đồ thị VN-Index vẫn chưa có gì khác đi khi tiếp tục xuất hiện nến giằng co kèm khối lượng giảm, cho thấy lực cầu đang suy yếu, khả năng có thể có nhịp chỉnh trở lại. Hỗ trợ gần ở vùng 1240-1260. Trường hợp nếu tiếp tục tăng về cản 1285-1300 thì khả năng cũng sớm có điều chỉnh trở lại. Đối với HNX-Index, chỉ số tiếp tục có phiên tăng nhẹ, tạo nến giằng co biến động thấp kèm khối lượng sụt giảm. Tín hiệu vẫn có phần ủng hộ khả năng có thể điều chỉnh trở lại một vài phiên, với hỗ trợ gần ở vùng 224-227. Chiến lược chung có thể tận dụng nhịp chỉnh để tham gia dần với tỷ trọng trung bình, ưu tiên chú ý các nhóm như Ngân hàng, Dệt may, Thủy sản, Phân bón, Vận tải biển, Công nghệ.

Cổ phiếu khuyến nghị: Chốt lời QNS

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QNS	Chốt lời	11/12/2024	51.18	50.90	0.6%	55.0	8.1%	49	-3.7%	Tín hiệu chưa mạnh, có thể còn tích lũy thêm

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VIB	Mua	19/11/2024	19.30	18.20	6.0%	19.5	7.1%	17.7	-2.7%	
2	FOX	Mua	29/11/2024	96.96	94.90	2.2%	106	11.7%	89	-6%	
3	DIG	Mua	06/12/2024	21.00	21.00	0.0%	24	14.3%	19.8	-6%	
4	DDV	Mua	09/12/2024	18.37	18.4	-0.2%	21	14.1%	17	-8%	
5	VPB	Mua	10/12/2024	19.25	19.4	-0.8%	21	8.2%	18.7	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Ngân hàng Nhà nước chuyển sang trạng thái hút ròng thanh khoản

Trên thị trường mở tuần qua (02/12 - 06/12), ở kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 30.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 30.000 tỷ đồng trúng thầu, trong khi có có tới gần 54.000 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố. Như vậy, NHNN đã hút về gần 24.000 tỷ trên kênh OMO trong tuần qua.

Trên kênh tín phiếu, NHNN đấu thầu lãi suất ở hai kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày. Có 12.375 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, lãi suất từ 3,95-4,0%, có 8.100 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0% 4 phiên đầu tuần, phiên cuối tuần giảm nhẹ xuống mức 3,99%. Có 3.950 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua. Tựu chung, NHNN hút về gần 16.525 tỷ trên kênh tín phiếu trong tuần qua.

Tổng cộng, NHNN hút về gần 40.525 tỷ đồng từ thị trường thông qua kênh thị trường mở.

Tính đến cuối tuần qua, lượng OMO lưu hành đã giảm về còn 30.000 tỷ đồng, trong khi có 36.605 tỷ đồng tín phiếu NHNN lưu hành trên thị trường. Như vậy, NHNN đang ở trạng thái hút ròng 6.605 tỷ đồng.

Sau khi liên tục hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng trong khoảng 4 tuần đầu tháng 11 với lượng bơm ròng lúc cao điểm lên tới hơn 70.000 tỷ, NHNN giảm dần lượng thanh khoản hỗ trợ hệ thống và chuyển sang trạng thái hút ròng thanh khoản trong những phiên gần đây.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN ước đạt 572 ngàn tỷ đồng trong 11 tháng qua

Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11/2024 ước đạt gần 75.9 ngàn tỷ đồng, tăng 5.6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười một tháng năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 572.0 ngàn tỷ đồng, bằng 73.5% kế hoạch năm và tăng 2.4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 76.3% và tăng 24.3%).

Giá vàng miếng và nhẫn cùng tăng 400.000 đồng theo đà thế giới

Giá vàng SJC và vàng nhẫn trong nước tiếp tục tăng từ 200.000-400.000 đồng/lượng phiên hôm nay (10/12), tỷ giá USD tại các ngân hàng thương mại cũng đi lên.

Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn điều chỉnh tăng 500.000 đồng ở chiều mua vào và 400.000 đồng ở chiều bán ra, hiện doanh nghiệp này đang giao dịch quanh mức 83,60-85,60 triệu đồng/lượng. Công ty Phú Quý và Công ty Doji cùng niêm yết giá vàng SJC từ 83,10-85,60 triệu đồng/lượng, cũng tăng 400.000 đồng/lượng so với chốt phiên trước ở chiều bán ra.

Trên thế giới, giá vàng điều chỉnh nhanh lên ngưỡng 2.669 USD/ounce, tăng 22 USD/ounce so với cùng thời điểm phiên trước. Mức giá này tương đương 82 triệu đồng/lượng khi quy đổi theo tỷ giá USD tại Vietcombank, thấp hơn thương hiệu SJC 3,6 triệu đồng/lượng.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

SCIC sắp nhận hàng trăm tỷ đồng cổ tức từ Dược Hậu Giang

Ngày 09/12, HĐQT CTCP Dược Hậu Giang (HOSE: DHG) thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 40%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 24/12. Với lượng lưu hành trên 130.7 triệu cp, hãng dược dự kiến chi xấp xỉ 523 tỷ đồng trả cổ tức cho cổ đông. Trong đó, 2 cổ đông được chia phần lớn nhất gồm công ty dược phẩm Taisho - sở hữu 51% cổ phần DHG, và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) - sở hữu 43.3%.

Sau 3 năm, cổ đông Coteccons sắp nhận cổ tức 10%

HĐQT CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE: CTD) vừa phê duyệt việc thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông sau 3 năm tái cơ cấu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 24/12/2024. Tỷ lệ thực hiện là 10%. Với gần 100 triệu cp đang lưu hành, ước tính CTD cần chi gần 100 tỷ đồng để thực hiện. Ngày thanh toán dự kiến là 14/01/2025.

Phú Tài sắp tạm ứng cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10%

CTCP Phú Tài (HOSE: PTB) sẽ chốt danh sách tạm ứng cổ tức đợt 1/2024. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 02/01/2025. Tỷ lệ thực hiện 10% bằng tiền, ước tính Phú Tài cần chi 67 tỷ đồng trả cổ tức. Ngày thanh toán vào 16/01/2025. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, cổ tức 2024 dự kiến tối thiểu 25%.

Nhà Đà Nẵng bị phạt và truy thu thuế gần 1,7 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (NDN) vừa công bố thông tin nhận được Quyết định số 9489/QĐ-CTDAN ngày 4/12/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Cục thuế thành phố Đà Nẵng. Cục thuế thành phố Đà Nẵng phạt Nhà Đà Nẵng phải nộp vào ngân sách nhà nước tổng số tiền hơn 82,7 triệu đồng. Đồng thời, Nhà Đà Nẵng còn phải khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền truy thu thuế gần 2,4 tỷ đồng, buộc điều chỉnh giảm số lỗ năm 2022 với số tiền gần 948,5 triệu đồng và năm 2023 với số tiền hơn 76,7 triệu đồng. Công ty còn phải nộp số tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh hơn 349,5 triệu đồng. Tổng số tiền truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp của Nhà Đà Nẵng là hơn 2,9 tỷ đồng.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
FPT	149,500	1.70%	0.07%
HDB	28,000	3.70%	0.06%
HPG	27,900	0.90%	0.03%
HVN	27,700	1.84%	0.02%
SAB	58,100	1.04%	0.01%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
KSV	64,100	9.95%	0.36%
DHT	92,500	4.52%	0.10%
DNP	20,500	4.59%	0.03%
IDC	57,000	0.53%	0.03%
TTL	11,300	9.71%	0.01%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	94,500	-0.84%	-0.09%
VIC	41,200	-1.55%	-0.05%
VHM	40,950	-1.21%	-0.04%
GVR	31,750	-1.09%	-0.03%
VPB	19,250	-0.77%	-0.02%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
KSF	40,000	-1.48%	-0.06%
BAB	12,000	-0.83%	-0.03%
SHS	13,500	-0.74%	-0.03%
TIG	14,000	-2.10%	-0.02%
HGM	216,000	-1.82%	-0.01%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	27,900	0.90%	32,715,496
HDB	28,000	3.70%	19,910,700
POW	12,650	1.20%	12,763,708
SSI	26,250	0.19%	12,626,886
VIX	10,200	-0.49%	12,198,155

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	13,500	-0.74%	4,593,050
MST	6,800	1.49%	3,931,180
TIG	14,000	-2.10%	3,237,563
MBS	29,600	-0.34%	2,973,473
CEO	14,500	0.00%	2,318,328

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	27,900	0.90%	913.7
HDB	28,000	3.70%	543.6
FPT	149,500	1.70%	534.5
SSI	26,250	0.19%	330.9
HDC	26,700	0.19%	258.7

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
MBS	29,600	-0.34%	87.9
IDC	57,000	0.53%	76.7
PVS	34,300	0.00%	63.1
SHS	13,500	-0.74%	62.6
TNG	25,300	-1.17%	48.5

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
EIB	42,137,139	785.56
SIP	3,065,000	240.60
LPB	5,024,000	175.83
EVF	15,110,000	162.40
SSB	9,320,000	160.30

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
DHT	2,155,061	172.40
SCG	1,870,000	121.55
IDC	289,400	16.51
HUT	930,000	14.79
DNP	231,874	4.41

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	31.19	1,059.19	39.50	1,194.15	(8.31)	(134.96)
HNX	4.32	245.67	2.91	91.78	1.42	153.89
Tổng 2 sàn	**35.51**	**1,304.86**	**42.40**	**1,285.93**	**(6.89)**	**18.92**

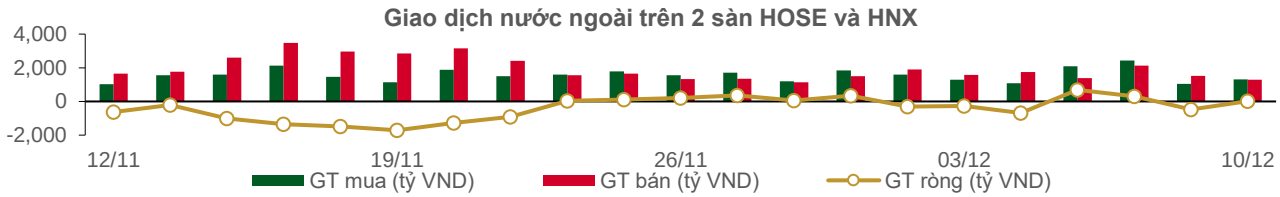

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
FPT	149,500	1,267,229	187.91
HDG	30,650	3,531,200	106.83
HDB	28,000	2,776,530	75.52
MBB	24,250	1,858,061	46.24
MSN	72,700	543,200	39.67

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
DHT	92,500	2,157,861	172.66
IDC	57,000	706,554	40.32
PVS	34,300	438,800	15.05
TNG	25,300	141,100	3.59
CEO	14,500	154,000	2.23

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
MWG	60,800	1,718,300	104.49
FPT	149,500	433,115	64.15
HPG	27,900	1,903,331	53.21
HDB	28,000	1,833,176	50.08
KDC	52,400	955,190	47.85

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
IDC	57,000	701,000	40.00
PVS	34,300	810,600	27.78
MBS	29,600	265,900	7.88
TNG	25,300	141,800	3.62
TIG	14,000	195,300	2.77

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
FPT	149,500	834,114	123.77
HDG	30,650	2,894,800	87.13
DGC	116,200	259,955	30.11
HDB	28,000	943,354	25.43
FUEVFVND	33,200	558,000	18.53

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DHT	92,500	2,157,661	172.64
CEO	14,500	121,100	1.76
VGS	33,000	30,500	1.01
SHS	13,500	54,489	0.75
VC3	28,900	25,300	0.73

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
MWG	60,800	(1,317,700)	(80.12)
KDC	52,400	(945,490)	(47.36)
VNM	63,900	(530,107)	(33.94)
VCB	94,500	(299,748)	(28.40)
VHC	73,100	(327,943)	(24.11)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	34,300	(371,800)	(12.73)
MBS	29,600	(208,700)	(6.18)
TIG	14,000	(106,200)	(1.52)
IVS	9,000	(169,000)	(1.51)
DTD	27,200	(36,800)	(1.01)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	23,360	0.0%	117,399	2.74
FUEMAV30	16,190	-0.1%	110	0.00
FUESSV30	16,540	-0.2%	28,601	0.47
FUESSV50	19,940	-0.2%	33,410	0.67
FUESSVFL	21,450	-0.5%	262,011	5.62
FUEVFVND	33,200	-0.2%	648,336	21.52
FUEVN100	17,880	0.2%	92,219	1.65
FUEIP100	8,790	0.0%	200	0.00
FUEKIV30	8,920	-0.8%	500	0.00
FUEDCMID	11,860	0.3%	43,500	0.52
FUEKIVFS	12,720	0.0%	0	0.00
FUEMAVND	13,980	-0.1%	1,300	0.02
FUEFCV50	11,260	1.1%	6,600	0.07
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	12,480	1.1%	100	0.00
FUEABVND	10,200	0.0%	0	0.00
Tổng cộng			**1,234,286**	**33.29**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	0.69	0.52	0.17
FUEMAV30	0.00	0.00	0.00
FUESSV30	0.42	0.03	0.39
FUESSV50	0.63	0.19	0.44
FUESSVFL	0.01	5.36	(5.35)
FUEVFVND	18.97	0.45	18.53
FUEVN100	1.16	0.19	0.97
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	0.00	(0.00)
FUEDCMID	0.50	0.01	0.49
FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	0.00	0.00	(0.00)
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	**22.39**	**6.76**	**15.62**

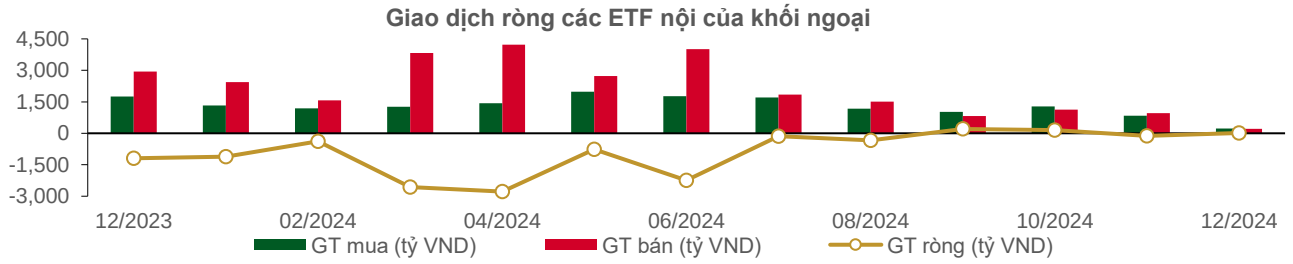

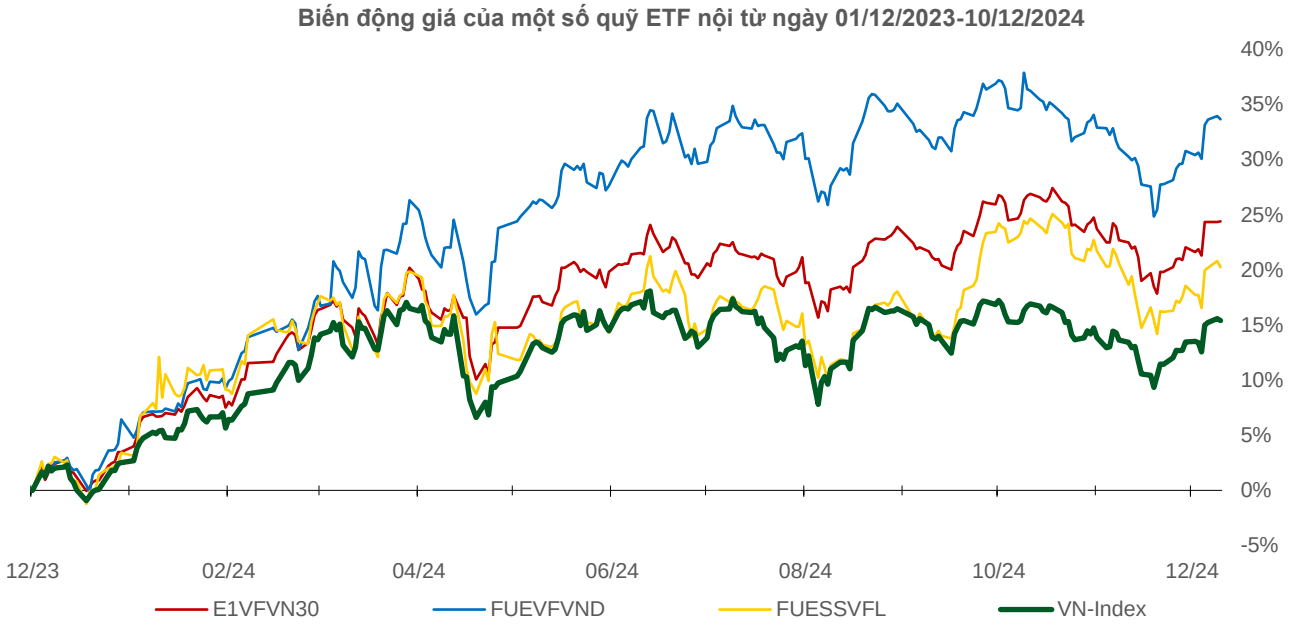

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	670	-6.9%	20,500	135	25,350	399	(271)	25,000	4.0	24/04/2025
CACB2404	910	-2.2%	17,610	226	25,350	513	(397)	25,000	4.0	24/07/2025
CACB2405	960	-1.0%	530	153	25,350	360	(600)	25,500	4.0	12/05/2025
CFPT2314	7,520	3.6%	4,020	28	149,500	7,435	(85)	85,750	8.6	07/01/2025
CFPT2402	7,850	4.5%	2,970	226	149,500	5,573	(2,277)	134,060	4.0	24/07/2025
CFPT2403	7,080	3.8%	6,170	135	149,500	4,906	(2,174)	134,060	4.0	24/04/2025
CFPT2404	3,180	5.0%	540,720	325	149,500	2,343	(837)	120,160	14.9	31/10/2025
CHPG2334	290	16.0%	122,820	28	27,900	208	(82)	26,810	7.3	07/01/2025
CHPG2339	850	21.4%	16,880	23	27,900	564	(286)	27,470	1.8	02/01/2025
CHPG2402	1,280	0.0%	74,920	160	27,900	736	(544)	28,180	2.7	19/05/2025
CHPG2403	330	-2.9%	74,950	84	27,900	145	(185)	30,500	4.0	04/03/2025
CHPG2406	1,310	1.6%	40,680	318	27,900	755	(555)	28,000	4.0	24/10/2025
CHPG2407	1,080	3.9%	146,640	135	27,900	756	(324)	26,000	4.0	24/04/2025
CHPG2408	1,190	2.6%	71,120	226	27,900	753	(437)	27,000	4.0	24/07/2025
CHPG2409	2,010	2.6%	79,830	325	27,900	1,577	(433)	25,000	3.0	31/10/2025
CMBB2315	1,290	-0.8%	18,180	28	24,250	1,211	(79)	19,570	3.9	07/01/2025
CMBB2402	1,610	-3.0%	42,150	160	24,250	1,060	(550)	23,480	2.0	19/05/2025
CMBB2404	1,140	-5.0%	71,170	84	24,250	813	(327)	23,500	2.0	04/03/2025
CMBB2405	630	-3.1%	5,710	226	24,250	332	(298)	26,000	4.0	24/07/2025
CMBB2406	530	-3.6%	11,070	135	24,250	306	(224)	25,000	4.0	24/04/2025
CMBB2407	1,680	0.0%	20	325	24,250	883	(797)	26,000	2.0	31/10/2025
CMSN2317	30	-66.7%	110	23	72,700	6	(24)	86,870	8.0	02/01/2025
CMSN2401	670	-4.3%	13,750	84	72,700	217	(453)	82,000	8.0	04/03/2025
CMSN2403	10	0.0%	20,330	2	72,700	0	(10)	90,000	5.0	12/12/2024
CMSN2404	2,270	-4.2%	910	226	72,700	1,404	(866)	79,000	4.0	24/07/2025
CMSN2405	1,560	-4.9%	47,360	135	72,700	936	(624)	79,000	4.0	24/04/2025
CMSN2406	1,740	0.0%	0	325	72,700	1,222	(518)	79,000	6.0	31/10/2025
CMWG2314	980	-4.9%	52,200	28	60,800	954	(26)	51,590	9.9	07/01/2025
CMWG2401	1,600	-0.6%	7,420	160	60,800	1,054	(546)	65,480	4.0	19/05/2025
CMWG2403	770	-1.3%	20,930	84	60,800	574	(196)	64,490	5.0	04/03/2025
CMWG2405	1,310	-4.4%	236,560	135	60,800	884	(426)	66,000	4.0	24/04/2025
CMWG2406	1,960	-3.0%	88,170	226	60,800	1,307	(653)	66,000	4.0	24/07/2025
CMWG2407	1,130	-14.4%	68,020	325	60,800	909	(221)	70,000	6.0	31/10/2025
CMWG2408	1,270	-1.6%	300	153	60,800	708	(562)	65,000	6.0	12/05/2025
CPOW2315	280	3.7%	6,920	23	12,650	60	(220)	13,460	2.0	02/01/2025
CSHB2306	50	25.0%	9,120	23	10,350	1	(49)	12,240	1.9	02/01/2025
CSHB2401	850	0.0%	400	153	10,350	165	(685)	11,500	2.0	12/05/2025
CSTB2328	250	0.0%	373,270	28	33,500	177	(73)	33,000	8.0	07/01/2025
CSTB2333	310	-26.2%	8,640	23	33,500	118	(192)	36,110	2.0	02/01/2025
CSTB2402	1,980	-1.0%	102,120	160	33,500	1,625	(355)	30,000	3.0	19/05/2025
CSTB2404	1,140	-3.4%	27,260	84	33,500	873	(267)	31,000	4.0	04/03/2025
CSTB2407	250	-7.4%	124,470	2	33,500	167	(83)	33,000	4.0	12/12/2024
CSTB2408	710	-1.4%	8,080	135	33,500	393	(317)	36,000	4.0	24/04/2025
CSTB2409	1,030	-1.0%	1,820	226	33,500	588	(442)	36,000	4.0	24/07/2025
CSTB2410	1,370	0.7%	20	325	33,500	801	(569)	38,000	3.0	31/10/2025
CSTB2411	1,570	0.0%	200	153	33,500	631	(939)	34,000	4.0	12/05/2025
CTCB2402	10	0.0%	183,230	2	24,050	0	(10)	27,500	2.0	12/12/2024
CTCB2403	730	-17.1%	9,790	325	24,050	416	(314)	26,000	5.0	31/10/2025
CTCB2404	1,090	0.0%	300	245	24,050	412	(678)	25,000	5.0	12/08/2025
CTPB2403	960	-2.0%	1,010	153	16,350	248	(712)	17,500	3.0	12/05/2025
CVHM2318	10	-50.0%	3,550	23	40,950	0	(10)	53,460	5.0	02/01/2025
CVHM2402	1,300	-5.8%	2,970	84	40,950	555	(745)	41,500	4.0	04/03/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2405	10	0.0%	147,760	2	40,950	0	(10)	45,000	4.0	12/12/2024
CVHM2406	780	-6.0%	5,070	226	40,950	331	(449)	50,000	4.0	24/07/2025
CVHM2407	480	-11.1%	14,200	135	40,950	193	(287)	49,000	4.0	24/04/2025
CVHM2408	2,400	-7.7%	9,050	325	40,950	1,647	(753)	38,000	4.0	31/10/2025
CVHM2409	1,510	-5.0%	40	245	40,950	775	(735)	42,000	5.0	12/08/2025
CVIB2305	380	-2.6%	38,860	28	19,300	346	(34)	17,750	4.8	07/01/2025
CVIB2402	840	1.2%	80,760	160	19,300	521	(319)	20,510	1.7	19/05/2025
CVIB2405	1,360	-0.7%	2,830	135	19,300	1,012	(348)	18,000	2.0	24/04/2025
CVIB2406	700	0.0%	2,270	226	19,300	457	(243)	19,000	4.0	24/07/2025
CVIB2407	1,920	7.3%	60,300	325	19,300	1,371	(549)	18,000	2.0	31/10/2025
CVIB2408	1,030	1.0%	30	153	19,300	316	(714)	19,500	4.0	12/05/2025
CVIC2314	30	0.0%	1,880	23	41,200	0	(30)	54,570	5.0	02/01/2025
CVIC2402	10	0.0%	95,850	2	41,200	0	(10)	50,000	4.0	12/12/2024
CVIC2404	940	-10.5%	33,590	135	41,200	714	(226)	43,000	4.0	24/04/2025
CVIC2405	1,360	-6.2%	52,770	226	41,200	995	(365)	43,000	4.0	24/07/2025
CVNM2311	30	50.0%	37,240	28	63,900	0	(30)	75,820	9.5	07/01/2025
CVNM2315	30	0.0%	0	23	63,900	0	(30)	84,240	3.8	02/01/2025
CVNM2401	1,090	-1.8%	13,220	160	63,900	472	(618)	63,830	7.7	19/05/2025
CVNM2405	1,020	-4.7%	3,010	135	63,900	408	(612)	68,000	4.0	24/04/2025
CVNM2406	1,430	-3.4%	3,680	226	63,900	571	(859)	69,000	4.0	24/07/2025
CVNM2407	960	-43.2%	7,890	325	63,900	591	(369)	68,000	6.0	31/10/2025
CVPB2315	20	-33.3%	50,080	28	19,250	4	(16)	22,170	5.4	07/01/2025
CVPB2319	60	-25.0%	6,750	23	19,250	3	(57)	22,740	1.8	02/01/2025
CVPB2401	1,100	-0.9%	39,750	160	19,250	637	(463)	19,940	1.9	19/05/2025
CVPB2403	910	-2.2%	8,620	84	19,250	605	(305)	19,000	2.0	04/03/2025
CVPB2406	10	0.0%	2,380	2	19,250	0	(10)	20,500	2.0	12/12/2024
CVPB2407	540	-5.3%	42,420	226	19,250	281	(259)	21,000	4.0	24/07/2025
CVPB2408	700	-9.1%	40,220	135	19,250	357	(343)	21,000	2.0	24/04/2025
CVPB2409	1,000	-2.9%	270	325	19,250	594	(406)	22,000	2.0	31/10/2025
CVPB2410	1,130	-2.6%	30	245	19,250	400	(730)	21,000	3.0	12/08/2025
CVRE2320	20	0.0%	1,380	23	17,550	0	(20)	32,330	2.0	02/01/2025
CVRE2402	120	0.0%	26,550	84	17,550	17	(103)	23,500	4.0	04/03/2025
CVRE2405	720	-5.3%	8,350	135	17,550	508	(212)	19,000	2.0	24/04/2025
CVRE2406	530	-3.6%	64,060	226	17,550	375	(155)	19,000	4.0	24/07/2025
CVRE2407	1,850	-1.6%	29,930	325	17,550	1,654	(196)	16,000	2.0	31/10/2025
CVRE2408	940	-3.1%	30	245	17,550	422	(518)	20,000	3.0	12/08/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo
DGC	HOSE	116,200	127,900	09/12/2024
HDB	HOSE	28,000	68,000	29/11/2024
DBD	HOSE	59,900	33,600	26/11/2024
MBB	HOSE	24,250	31,100	21/11/2024
IMP	HOSE	48,150	42,550	19/11/2024
ACB	HOSE	25,350	31,900	04/11/2024
VPB	HOSE	19,250	24,600	02/10/2024
SAB	HOSE	58,100	70,700	26/09/2024
KDH	HOSE	34,500	43,700	25/09/2024
CTG	HOSE	36,350	40,200	18/09/2024
HPG	HOSE	27,900	28,200	06/09/2024
PVT	HOSE	27,400	31,650	26/08/2024
POW	HOSE	12,650	15,900	23/08/2024

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TCB	HOSE	24,050	28,200	21/08/2024
DRI	UPCOM	12,939	14,100	20/08/2024
TCM	HOSE	48,100	58,500	14/08/2024
NT2	HOSE	19,550	22,300	09/08/2024
VNM	HOSE	63,900	76,100	07/08/2024
BMI	HOSE	21,150	29,200	07/08/2024
IJC	HOSE	13,800	17,300	06/08/2024
QNS	UPCOM	51,184	58,500	02/08/2024
ANV	HOSE	20,700	35,300	05/07/2024
DPR	HOSE	38,500	44,600	02/07/2024
GEG	HOSE	10,950	18,300	01/07/2024
GAS	HOSE	69,000	82,900	03/06/2024
VHC	HOSE	73,100	79,300	28/05/2024
BSR	UPCOM	21,216	23,200	24/05/2024
CTD	HOSE	68,300	87,500	24/05/2024
FMC	HOSE	48,300	55,100	04/05/2024
PVD	HOSE	23,900	31,000	02/05/2024
STK	HOSE	24,700	38,550	04/04/2024
MSB	HOSE	11,500	20,700	19/03/2024
VIB	HOSE	19,300	27,000	07/02/2024
VHM	HOSE	40,950	63,300	26/01/2024
MSH	HOSE	49,900	55,900	17/01/2024
SIP	HOSE	83,600	83,400	10/01/2024
KBC	HOSE	28,700	36,000	10/01/2024
IDC	HNX	57,000	56,000	10/01/2024
VCB	HOSE	94,500	87,329	10/01/2024
BID	HOSE	46,750	55,870	10/01/2024
TPB	HOSE	16,350	24,130	10/01/2024
OCB	HOSE	11,200	19,164	10/01/2024
STB	HOSE	33,500	34,494	10/01/2024
LPB	HOSE	34,050	18,389	10/01/2024
SHB	HOSE	10,350	16,146	10/01/2024
MWG	HOSE	60,800	61,600	10/01/2024
FRT	HOSE	181,900	119,200	10/01/2024
DGW	HOSE	42,800	55,300	10/01/2024
PNJ	HOSE	97,000	101,000	10/01/2024
PLX	HOSE	40,300	42,300	10/01/2024
PVS	HNX	34,300	40,300	10/01/2024
NLG	HOSE	38,200	40,600	10/01/2024
VRE	HOSE	17,550	37,700	10/01/2024

Nguồn: PHS * Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: 1900 25 23 58 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM.
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912